Mô hình Use case  
Phần mềm quản lý bán sách

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

1642015 – Nguyễn Đức Đông

1642027– Lâm Thiên Hưng

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| <dd/mm/yyyy> | <x.y> | <mô tả phiên bản tài liệu> | < người thực hiện> |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc369450773)

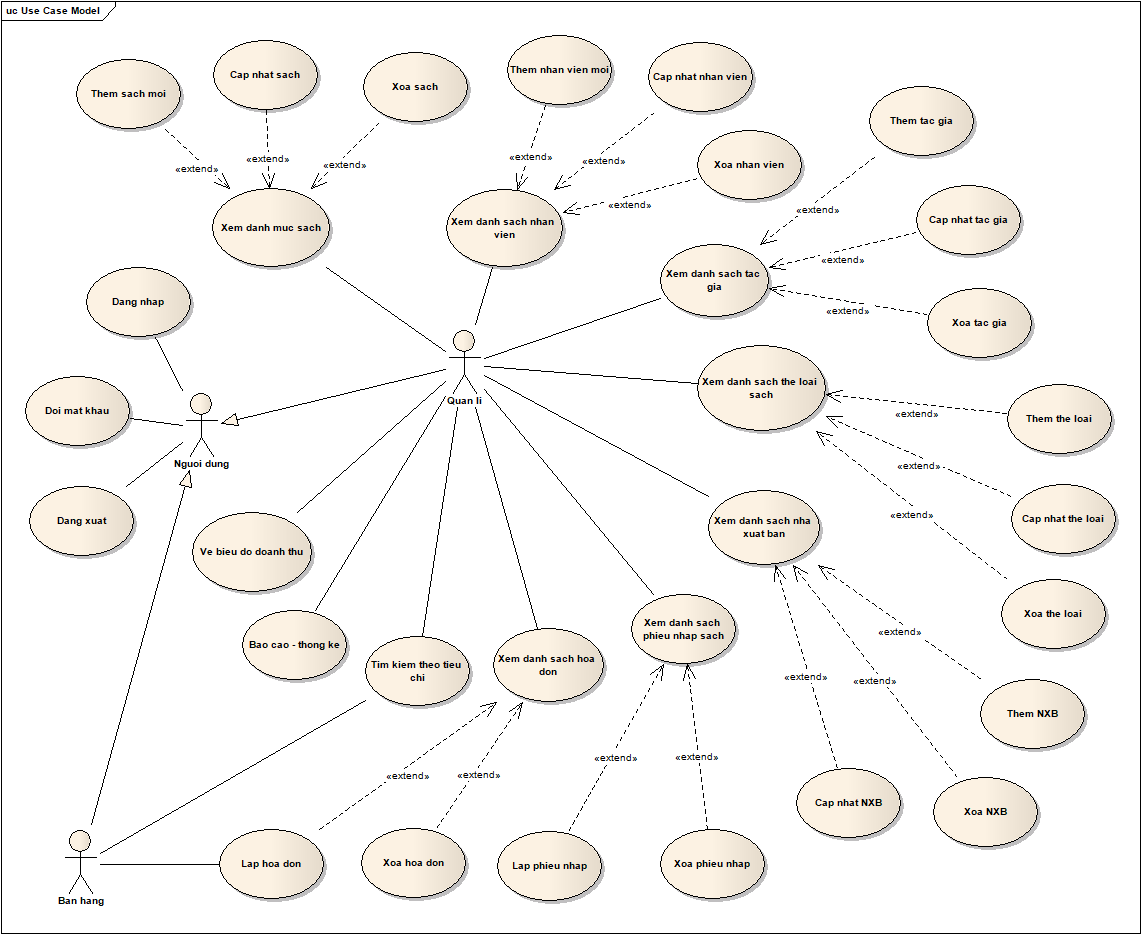
[2. Danh sách các Actor 3](#_Toc369450774)

[3. Danh sách các Use-case 3](#_Toc369450775)

[4. Đặc tả Use-case 3](#_Toc369450776)

[4.1 Đặc tả Use-case “Tên Use-case” 3](#_Toc369450777)

# Sơ đồ Use-case



# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Người quản lý | Quản lý mọi thông tin trong cửa hàng. |
| 2 | Người bán hàng | Thực hiện việc lập hóa đơn bán hàng và tra cứu thông tin sách theo tiêu chí. |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Đăng nhập | Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| 2 | Đổi mật khẩu | Cho phép người dùng đổi mật khẩu của mình |
| 3 | Đăng xuất | Cho phép người dùng đăng xuất khỏi hệ thống |
| 4 | Xem danh mục sách | Cho phép người dùng xem danh sách các loại sách có trong cửa hàng |
| 5 | Thêm sách | Cho phép người dùng thêm một đầu sách mới |
| 6 | Cập nhật sách | Cho phép người dùng cập nhật thông tin sách |
| 7 | Xóa sách | Cho phép người dùng xóa đi một quyển sách |
| 8 | Xem danh sách nhân viên | Cho phép người dùng xem danh sách nhân viên |
| 9 | Thêm nhân viên | Cho phép người dùng thêm nhân viên mới |
| 10 | Cập nhật nhân viên | Cho phép người dùng cập nhật thông tin nhân viên |
| 11 | Xóa nhân viên | Cho phép người dùng xóa đi một nhân viên |
| 12 | Xem danh sách tác giả | Cho phép người dùng xem danh sách tác giả |
| 13 | Thêm tác giả | Cho phép người dùng thêm tác giả mới |
| 14 | Cập nhật tác giả | Cho phép người dùng cập nhật thông tin tác giả |
| 15 | Xóa tác giả | Cho phép người dùng xóa đi một tác giả |
| 16 | Xem danh sách thể loại | Cho phép người dùng xem danh sách cac thể loại sách |
| 17 | Thêm thể loại | Cho phép người dùng thêm thể loại mới |
| 18 | Cập nhật thể loại | Cho phép người dùng cập nhật thông tin thể loại |
| 19 | Xóa thể loại | Cho phép người dùng xóa đi một thể loại sách |
| 20 | Xem danh sách nhà xuất bản | Cho phép người dùng xem danh sách các nhà xuất bản |
| 21 | Thêm NXB | Cho phép người dùng NXB mới |
| 22 | Cập nhật NXB | Cho phép người dùng cập nhật thông tin NXB |
| 23 | Xóa NXB | Cho phép người dùng xóa đi một NXB |
| 24 | Xem danh sách phiếu nhập sách | Cho phép người dùng xem danh sách cac phiếu nhập sách |
| 25 | Lập phiếu nhập | Cho phép người dùng lập một phiếu nhập sách mới |
| 26 | Xóa phiếu nhập | Cho phép người dùng xóa đi một phiếu nhập sách |
| 27 | Xem danh sách hóa đơn | Cho phép người dùng xem danh sách các hóa đơn |
| 28 | Lập hóa đơn | Cho phép người dùng lập hóa đơn mới |
| 29 | Xóa hóa đơn | Cho phép người dùng xóa đi một hóa đơn |
| 30 | Tìm kiếm theo tiêu chí | Cho phép người dùng tìm kiếm và tra cứu thông tin cuốn sách theo các tiêu chí: tên sách, NXB, tác giả và thể loại… |
| 31 | Báo cáo – thống kê | Cho phép người dùng lập báo cáo và thống kê: doanh thu, nhập sách và tồn kho |
| 32 | Vẽ biểu đồ doanh thu | Cho phép người dùng vẽ biểu đồ doanh thu theo ngày. |

# Đặc tả Use-case

***Ghi chú: Với mỗi Use-case, đặc tả nội dung của Use-case theo template sau:***

## Đặc tả Use-case “Tên Use-case”

### Tóm tắt

*Tóm tắt ngắn gọn về Use-case (ai sử dụng use-case, dùng use-case để thực hiện chức năng gì, ý nghĩa của use-case…)*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính*

*Nên đánh số thứ tự các bước trong dòng sự kiện chính*

#### Các dòng sự kiện khác

*Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Ghi nhận các yêu cầu đặc biệt khi thực hiện Use-case. Nếu không có yêu cầu đặc biệt nào, ghi “Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).*

### Điểm mở rộng

*Mô tả những tình huống xuất hiện các Use-case khác có quan hệ <<extend>> với Use-case đang xét.*